



VINAINCON
VÌ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 do: Sở Kế hoạch & Đầu tư
Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/10/1998, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày
01/6/2011)*

Địa chỉ : Tòa nhà Vinaincon, số 5, đường Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số điện thoại: 024.35142145

Fax: 024.38560629

Website: <http://vinaincon.com.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Lê Đức Thọ

Ban Tài chính kế toán - Điện thoại: 024.35142145

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT NÀY SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Tổng Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp Việt Nam

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaincon, số 5, đường Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.35142145

Fax: 024.38560629

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024. 37737070

Fax: 024. 37739058

MỤC LỤC

MỤC LỤC 2

I. CÁC KHÁI NIỆM.....	4
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	5
2. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty.....	8
3. Các Phòng - Ban chức năng và chi nhánh:	9
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ; Cơ cấu cổ đông.	11
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.....	12
6. Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	17
8. Vị thế cạnh tranh của Công ty	20
9. Chính sách với người lao động.....	21
10. Chính sách cổ tức.....	23
11. Tình hình tài chính.....	24
12. Tài sản	32
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	34
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch.....	36
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.	36
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu đăng ký giao dịch.	36
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY	37
1. Hội đồng quản trị	37
4. Kế toán trưởng	47
5. Kế hoạch tăng cường quản trị.....	48

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 06/6/2017	11
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ tại thời điểm ngày 06/6/2017	11
Bảng 3: Cơ cấu Tổng doanh thu - Công ty mẹ.....	15
Bảng 4: Cơ cấu Tổng doanh thu - hợp nhất	15
Bảng 5: Lợi nhuận gộp – Công ty mẹ.....	16
Bảng 6: Lợi nhuận gộp - hợp nhất.....	16
Bảng 7: Cơ cấu chi phí – Công ty mẹ.....	16
Bảng 8: Cơ cấu chi phí - hợp nhất.....	17
Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh - Công ty mẹ	17
Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh - hợp nhất.....	18
Bảng 11: Cơ cấu lao động tại ngày 30/06/2017	21
Bảng 12: Tình hình chi trả cổ tức từ 2014 – 2016.....	24
Bảng 15: Tổng dư nợ vay - Công ty mẹ	25
Bảng 16: Tổng dư nợ vay - hợp nhất.....	25
Bảng 17: Tình hình công nợ phải thu - công ty mẹ.....	25
Bảng 18: Tình hình công nợ phải thu - hợp nhất	26
Bảng 19: Tình hình công nợ phải trả - Công ty mẹ.....	27
Bảng 20: Tình hình công nợ phải trả - hợp nhất	28
Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu - Công ty mẹ	31
Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu - hợp nhất.....	31
Bảng 25: Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016 - hợp nhất.....	32

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1- Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.....	8
--	---


I. CÁC KHÁI NIỆM

UBCK	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	: Ủy ban Nhân dân
Tổng Công ty	: Tổng Công ty cổ phần xây dựng Công nghiệp Việt Nam
CTCP	: Công ty cổ phần
BCTC	: Báo cáo tài chính
CP	: Cổ phần
SGDCK	: Sở giao dịch chứng khoán
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
Điều lệ Tổng công ty	: Điều lệ của Tổng Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp Việt Nam
Tổ chức đăng ký	: Tổng Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp Việt Nam

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch.

Tên công ty	Tổng Công ty cổ phần xây dựng Công nghiệp Việt Nam
Tên tiếng Anh	Viet Nam Industrial Construction Corporation
Tên viết tắt	Vinaincon
Biểu trưng	 VINAINCON VÌ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH
Người đại diện theo pháp luật	Ông Hoàng Chí Cường - Tổng giám đốc
Trụ sở	Tòa nhà Vinaincon, số 5, đường Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	04.35142145
Fax	04.38560629
Website	http://www.vinaincon.vn
Vốn điều lệ đăng ký	550.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	550.000.000.000 đồng
Ngày trở thành công ty đại chúng	Ngày 16/12/2013
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	0100779365 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/10/1998, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 01/6/2011
Ngành nghề kinh doanh chính	Xây dựng nhà các loại Xây dựng chuyên dụng khác Tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán và chứng khoán) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch.

- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: VVN
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 55.000.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổng công ty: 0 cổ phiếu.

- Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26/06/2015 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Tính đến ngày 06/6/2017, tỷ lệ nắm giữ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Tổng công ty là 0%.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Sự kiện
Ngày 22 tháng 9 năm 1998	Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 63/1998/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) trên cơ sở hợp nhất các đơn vị xây lắp thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Hóa chất Việt Nam, Tổng công ty Thép Việt Nam và các Công ty xây dựng chuyên ngành thuộc ngành Công nghiệp Việt Nam.
Giai đoạn 1998 – 2003	<p>Đây là thời kỳ Tổng công ty mới được thành lập, tập trung hoàn thiện bộ máy, tập hợp lực lượng để ổn định tổ chức và tạo dựng thương hiệu trên thị trường.</p> <p>Trong giai đoạn này, giá trị sản lượng toàn Tổng công ty tăng từ 1.860 tỷ đồng năm 1998 đến 4.686 tỷ đồng năm 2003, doanh thu tăng từ 1.485 tỷ đồng năm 1998 lên 4.063 tỷ đồng năm 2003</p>
Giai đoạn 2003 – 2008	<p>Đây là thời kỳ có nhiều dấu ấn quan trọng của Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam.</p> <p>Trong giai đoạn này, Tổng công ty và các đơn vị tham gia thi công nhiều công trình lớn, trọng điểm quốc gia của ngành, đáng kể như: Hoàn thành hệ thống đường dây và trạm 500kV Nam - Bắc mạch 2 cùng hàng trăm công trình đường dây và trạm 110kV, 220kV trải khắp chiều dài đất nước; Triển khai xây dựng Nhà máy Xi măng Thái Nguyên – công trình trọng điểm nhóm A đầu tiên do Tổng công ty làm chủ đầu tư. Tổng công ty đã tách một số đơn vị để cổ phần hóa không chi phối.</p> <p>Trong giai đoạn này, giá trị sản lượng năm 2008 đạt 3.663 tỷ đồng, doanh thu đạt 3.290 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 65,8 tỷ đồng</p>
Giai đoạn 2008 - nay	Đây là giai đoạn Tổng công ty hoạt động trong môi trường kinh tế trong nước có nhiều biến động, khó khăn về thị trường, việc làm, nguồn tín dụng thắt chặt... Tổng công ty vừa phải tiếp tục tổ chức sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm, đời sống người lao động,

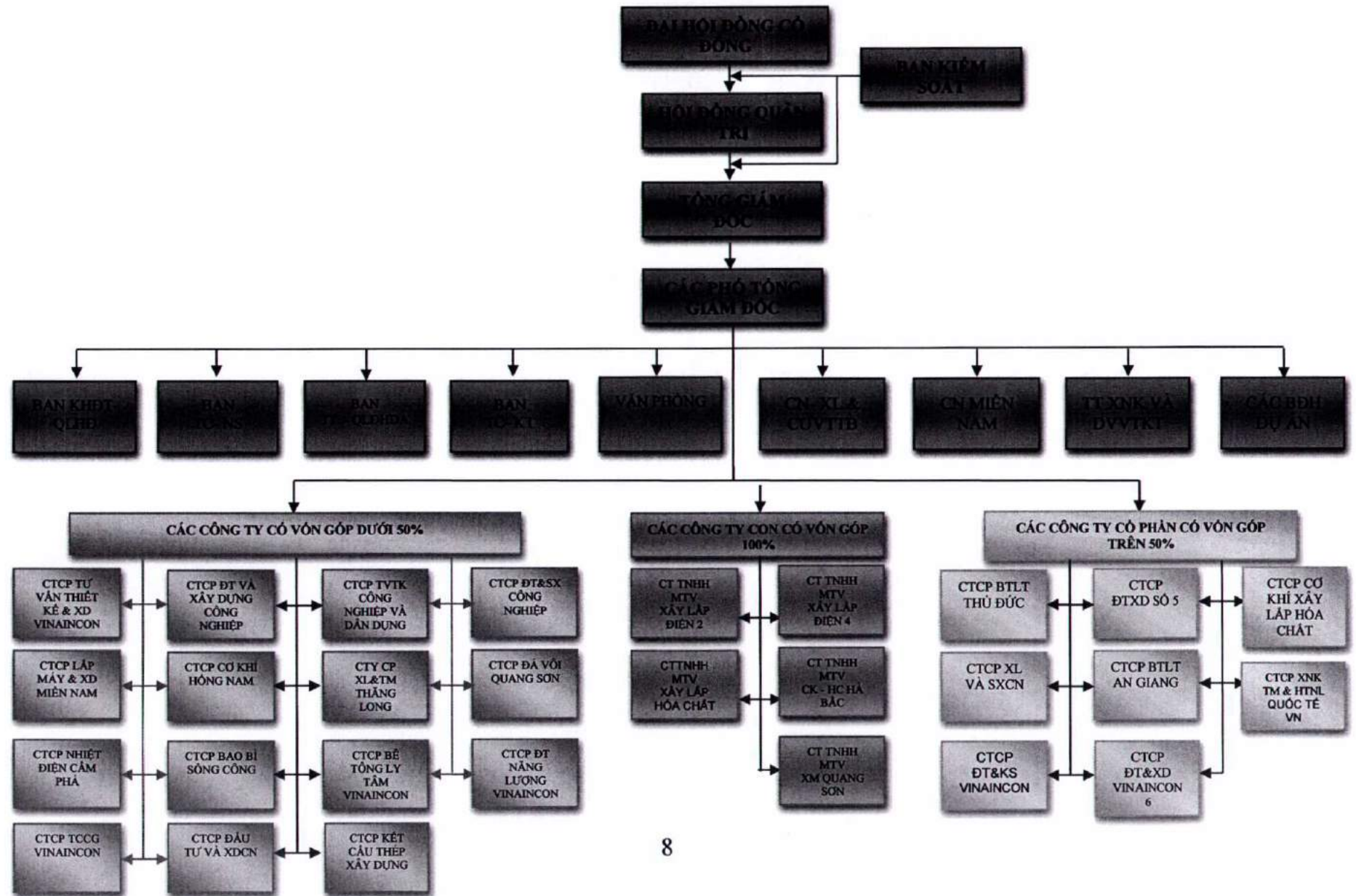
<p>vừa phải hoàn thành công tác cổ phần hóa toàn Tổng công ty, đồng thời tiếp tục phát triển thị trường, cơ cấu lại hoạt động của các đơn vị theo hướng nâng cao hiệu quả.</p> <p>Một số sự kiện tiêu biểu trong giai đoạn này:</p> <p>Ngày 29/12/2009: Chính thức khánh thành Nhà máy xi măng Thái Nguyên với dòng sản phẩm Xi măng Quang Sơn đã được thị trường đón nhận.</p> <p>Tổng Công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam nhận quyết định cổ phần hóa theo quyết định số 1842/QĐ-BCT ngày 26/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.</p> <p>Ngày 01/6/2011: Tổng công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 thay đổi lần thứ 5 với vốn điều lệ là 550 tỷ đồng. Đây là một quyết tâm, nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV Tổng công ty.</p>

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ ngày chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Tổng công ty cổ phần xây dựng công nghiệp Việt Nam chưa thực hiện đợt phát hành tăng vốn nào, vẫn giữ nguyên vốn điều lệ ban đầu là 550 tỷ đồng.

2. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty

Sơ đồ 1- Cơ cấu tổ chức - quản lý Công ty



- **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty, trực tiếp bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty.

- **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
- Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này;
- Các phạm vi khác quy định tại Điều lệ hoạt động của Tổng Công ty.

- **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại Hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- **Ban Điều hành Công ty.**

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không quá 5 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

3. Các Phòng - Ban chức năng và chi nhánh:

3.1. Tổ chức bộ máy các Phòng, Ban chức năng:

- Các Phòng, Ban chức năng là các đơn vị chuyên môn, đặt dưới sự điều hành trực tiếp của Tổng giám đốc Tổng công ty, thực hiện tham mưu, giúp việc cho Ban lãnh đạo Tổng công ty và các công việc liên quan đến chuyên môn, chức năng nhiệm vụ của của các đơn vị Phòng, Ban.

- Lãnh đạo các Ban chức năng gồm có Trưởng và Phó Ban nằm dưới sự quản lý của Tổng giám đốc, do Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỉ luật.

- Trưởng Ban chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Tổng Công ty và trước pháp luật về việc tổ chức, quản lý, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Các Phó Ban giúp việc cho Trưởng Ban, thực hiện các nhiệm vụ trong trách nhiệm của mình và phụ trách một số công việc khi Trưởng Ban vắng mặt.

- Trưởng Ban có trách nhiệm xây dựng quy chế, lề lối làm việc của phòng, ban, bố trí công việc cho từng cán bộ, CNV phù hợp với trình độ, khả năng và chức danh công việc của từng người.

- Cán bộ, viên chức, công nhân của các Ban trách nhiệm thực hiện các công việc được phân công và hưởng các quyền lợi theo quy định của Tổng công ty, của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng đơn vị và trước pháp luật về việc thi hành nhiệm vụ được giao.

3.2. Chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Ban:

- Văn Phòng: Tham mưu, giúp việc cho Ban lãnh đạo Tổng công ty trong quản lý và điều hành các lĩnh vực công tác. Văn phòng thực hiện theo dõi hoạt động chung của Tổng công ty, thực hiện công việc hành chính, quản lý thông tin lưu hành trong và ngoài Tổng công ty, lưu trữ văn thư, mua sắm thiết bị hàng năm, phối hợp với các Ban thực hiện kiểm kê tài sản thường niên.
- Ban Tổ chức nhân sự: Tham mưu và điều hành, quản lý các lĩnh vực: tổ chức cán bộ, nhân sự và đào tạo, mô hình tổ chức hoạt động của các đơn vị, công tác lao động, tiền lương; chính sách, chế độ đối với người lao động; pháp chế, thanh tra, khiếu nại tố cáo và công tác quân sự.
- Ban Thị trường - Quản lý điều hành dự án: Thực hiện các kế hoạch marketing, quảng bá hình ảnh công ty, tìm kiếm và phát triển thị trường; Lập hồ sơ dự thầu các công trình; Lập phương án thực hiện các công trình do Tổng công ty ký kết; Tổ chức thực hiện, quản lý các dự án theo đúng yêu cầu của Tổng công ty, các chỉ tiêu kỹ thuật, an toàn; Thực hiện quản lý các công việc tồn đọng trong dự án và bàn giao khi dự án kết thúc.
- Ban Tài chính - Kế toán: quản lý và điều hành các lĩnh vực: Tài chính, tín dụng, hạch toán kế toán; Kiểm tra, kiểm soát tài chính hoạt động toàn Tổng công ty; đảm bảo các hoạt động tài chính của Tổng công ty thực hiện đúng theo Luật kế toán, Luật kiểm toán của nhà nước và Tổng công ty; cung cấp các số liệu tài chính cho các hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của ban Lãnh đạo; Xây dựng cơ chế tài chính cho Tổng công ty; Phối hợp với các ban khác về thẩm định thực hiện các gói thầu. Ban Thực hiện công tác tín dụng, huy động vốn dài hạn và trung hạn cho các kế hoạch phát triển cho các công ty và vốn ngắn hạn cho việc thực hiện các dự án; Thực hiện quản trị vốn đầu tư của Tổng công ty ở các CTCP, các dự án đầu tư chứng khoán, niêm yết cổ phiếu cho Tổng công ty và các công ty thành viên.
- Ban Kế hoạch đầu tư và Quản lý hợp đồng: Tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo Tổng công ty trong các kế hoạch, chiến lược quản lý, thực hiện dự án; thực hiện công tác lên kế hoạch, báo cáo thống kê về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; Xây dựng chiến lược phát triển dài hạn và hàng năm trong lĩnh vực phát triển năng lực sản xuất kinh doanh cho Tổng công ty Xác định và xây dựng định mức, đơn giá và giao khoán; thực hiện chuẩn bị đầu tư và quản lý đầu tư; quản lý và quyết toán các hợp đồng của Tổng công ty, thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các dự án.

3.3. Các Chi nhánh và Ban Điều hành dự án.

3.3.1. Tổ chức, bộ máy, chức năng của các Chi nhánh.

- Các Chi nhánh là đơn vị trực thuộc Tổng công ty có tư cách pháp nhân và con dấu; Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh Tổng công ty giao và được đăng ký theo Giấy đăng ký kinh doanh do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư các tỉnh cấp.

- Lãnh đạo Chi nhánh gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng phòng/phụ trách phòng kế toán do Tổng Giám đốc Tổng công ty bổ nhiệm.
- Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Tổng công ty và trước pháp luật về việc tổ chức, quản lý, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc Chi nhánh và được phân công những nhiệm vụ cụ thể; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Chi nhánh về nhiệm vụ được giao.
- Giám đốc Chi nhánh trách nhiệm xây dựng quy chế, lề lối làm việc của phòng, bố trí công việc cho từng cán bộ, CNVC phù hợp với trình độ, khả năng và chức danh công việc của từng người.
- Cán bộ, viên chức, công nhân của Chi nhánh có nghĩa vụ và quyền lợi theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Chi nhánh và trước pháp luật về việc thi hành nhiệm vụ được giao.

3.3.2. Ban Điều hành dự án

Ban điều hành dự án được thành lập từ quyết định của Tổng Giám Đốc.

Ban điều hành dự án chịu trách nhiệm:

- Thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của VVN hoặc thực hiện một số chức năng sản xuất - kinh doanh trực tiếp theo ủy quyền của công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông.

- *Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 06/6/2017*

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 06/6/2017

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
I	Cổ đông trong nước	1.958	55.000.000	550.000.000.000	100
1	Tổ chức	19	47.518.500	475.185.000.000	86,40
2	Cá nhân	1.939	7.481.500	74.815.000.000	13,60
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng Cộng	1.958	55.000.000	550.000.000.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt thực hiện đăng ký lưu ký ngày 06/6/2017)

- *Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% Vốn điều lệ*

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ tại thời điểm ngày 06/6/2017

Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %
---------	---------	-------------	---------------	---------

Bộ Công Thương	54 Hai Bà Trưng - Hà Nội	45.512.500	455.125.000.000	82,75
Tổng cộng		45.512.500	455.125.000.000	82,75

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt thực hiện đăng ký lưu ký ngày 06/6/2017)

- **Danh sách cổ đông sáng lập**

Không có

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch

- Danh sách công ty mẹ:

Không có

- Danh sách công ty con:

STT	Tên công ty	GCN ĐKKD	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	4104000157	Lắp đặt hệ thống điện	Số 81 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	100%
2	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	0100100872	Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng	Tổ 5, thị trấn Đông Anh, Hà Nội	100%
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất	0100103827	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	100%
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc	2400244195	Sản xuất các cấu kiện kim loại	Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang	100%
5	Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	4600964966	Sản xuất xi măng	Thôn Đồng Thu, xã Quang Sơn, Đông Hỷ, Thái Nguyên	100%
6	Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	0101058736	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	Km 11, quốc lộ 32, Từ Liêm, Hà Nội	52%
7	Công ty CP Cơ khí xây lắp hóa chất	0200587441	Sản xuất sắt thép, gang	Thôn Ngô Yên, xã Ngô Hồng, huyện An Dương, Hải	71%

				Phòng	
8	Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức	0303171325	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	356A đường Hà Nội, Phước Long A, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	51%
9	Công ty CP XNK thương mại hợp tác nhân lực quốc tế Việt Nam	0103021522	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	156 Xã Đàn 2, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội	51%
10	Công ty CP đầu tư xây dựng số 5	0302156370	Xây dựng nhà các loại	Lầu 06, số 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	52%
11	Công ty CP Đầu tư và khoáng sản Vinaincon	0103703036	Kinh doanh và khai thác khoáng sản	Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	51%
12	Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	1600669108	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, Long Xuyên, An Giang	51%
13	Công ty CP Đầu tư và xây dựng Vinaincon 6	0311090077	Xây dựng nhà các loại	22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP Hồ Chí Minh	51%

BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam

• Danh sách công ty liên kết

STT	Tên công ty	Đăng ký kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty CP kết cấu thép xây dựng	0101004207	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Tầng 15 tòa nhà TTC phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	23,10%
2	Công ty CP cơ khí Hồng Nam	0101495214	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	Số 296 đường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà	27,37%

				Nội	
3	Công ty CP Đầu tư và xây dựng Công nghiệp	0101482060	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Số 158 Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Hà Nội	36%
4	Công ty CP khai thác đá vôi Quang Sơn	4600425562	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Xã Quang Sơn, Đông Hỷ, Thái Nguyên	25%
5	Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon	0104387753	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	Số 23 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	28%
6	Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	0800727161	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn Tháp Phan, Đồng Lạc, Nam Sách, Hải Dương	20%
7	Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	0105734093	Xây dựng nhà các loại	Số 5 Láng Hạ, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	28%
8	Công ty CP tư vấn thiết kế và xây dựng Vinaincon	0105734038	Xây dựng nhà các loại	Số 5 Láng hạ, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	20,70%

BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam

6. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinaincon chủ yếu trên 02 lĩnh vực chính:

- Hoạt động xây lắp, tư vấn thiết kế và giám sát;
- Giám sát điều hành thi công,

Trong đó phần lớn doanh thu được đem lại từ hoạt động xây lắp tư vấn và thiết kế giám sát.

Những năm qua, VINAINCON đã tham gia xây dựng hầu hết các nhà máy thuộc các ngành Công nghiệp trong nước, các lĩnh vực chủ yếu như: Các mỏ khai thác than, Apatite, Pirit, sắt, kim loại màu; Các nhà máy nhiệt điện và thủy điện, hóa chất, thép, cơ khí; Hệ thống truyền tải và phân phối điện, trong đó nhiều công trình có vốn đầu tư nước ngoài. Vận chuyển lắp đặt kết cấu, thiết bị công nghệ kể cả thiết bị siêu trường, siêu trọng, lắp đặt các hệ thống điện động lực,

tự động hóa, đường ống công nghệ, bảo ôn; Xây dựng các đường dây và trạm điện cao thế tới 500KV.

Bảng 3: Cơ cấu Tổng doanh thu - Công ty mẹ

Đơn vị tính: VND

Chi tiết	Năm 2015		Năm 2016		6 tháng đầu năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	993.685.401.926	93,77%	563.657.857.830	90,98%	160.197.812.155	90,06%
Doanh thu hoạt động tài chính	61.375.699.208	5,80%	53.320.806.813	8,61%	17.362.080.423	9,76%
Thu nhập khác	4.643.893.796	0,43%	2.536.877.426	0,41%	309.375.168	0,18%
Tổng doanh thu	1.059.704.994.930	100%	619.515.542.069	100%	177.869.267.700	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán tổng hợp 2016, BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam)

Bảng 4: Cơ cấu Tổng doanh thu - hợp nhất

Đơn vị tính: VND

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2016, BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của

Chi tiết	Năm 2015		Năm 2016		6 tháng đầu năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.087.073.118.458	96,97%	5.115.586.092.624	87,31%	1.795.562.543.271	96,91%
Doanh thu hoạt động tài chính	148.722.413.859	2,37%	637.257.575.745	10,88%	15.850.555.907	0,86%
Thu nhập khác	41.378.642.089	0,66%	106.112.256.114	1,81%	41.451.058.224	2,24%
Tổng doanh thu	6.277.147.147.406	100%	5.858.955.924.483	100%	1.852.864.157.402	100%

*Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam)***Bảng 5: Lợi nhuận gộp – Công ty mẹ**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		6 tháng đầu năm 2017	
	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.175.075.706	6,06%	33.405.942.518	5,93%	11.847.856.091	7,40%

*(Nguồn: BCTC tổng hợp kiểm toán 2016, BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP Xây dựng công nghiệp Việt Nam)***Bảng 6: Lợi nhuận gộp - hợp nhất**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		6 tháng đầu năm 2017	
	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	451.371.981.419	7,42%	354.800.402.213	6,94%	112.131.306.154	6,24%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2016, BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP Xây dựng công nghiệp Việt Nam)

- Chi phí sản xuất

Bảng 7: Cơ cấu chi phí – Công ty mẹ

Đơn vị: VND

Chi tiết	Năm 2015		Năm 2016		6 tháng đầu năm 2017	
	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT
Giá vốn hàng bán	933.510.326.220	88,09%	530.251.915.312	85,59%	148.349.956.064	83,40%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	51.870.176.574	4,89%	29.390.789.304	4,74%	16.425.612.615	9,23%
Chi phí tài chính	39.427.487.480	3,72%	33.162.409.884	5,35%	5.954.939.410	3,35%
Chi phí khác	4.253.723.409	0,40%	335.740.103	0,05%	49.240.657	0,03%
Tổng chi phí	1.029.061.713.683	97,11%	593.140.854.603	95,74%	170.779.748.700	96,01%

(Nguồn: BCTC tổng hợp kiểm toán 2016, BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP Xây dựng công nghiệp Việt Nam)

Bảng 8: Cơ cấu chi phí - hợp nhất

Đơn vị: VND

Chi tiết	Năm 2015		Năm 2016		6 tháng đầu năm 2017	
	Giá trị	% Tổng DT	Giá trị	% Tổng DT	Giá trị	% Tổng DT
Giá vốn hàng bán	5.635.701.137.039	89,78%	4.760.785.690.411	81,26%	1.683.431.237.117	90,86%
Chi phí bán hàng	46.409.447.170	0,74%	46.344.437.510	0,79%	18.022.162.455	0,97%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	299.180.614.550	4,77%	287.289.521.796	4,90%	105.910.654.534	5,72%
Chi phí tài chính	604.501.250.193	9,63%	215.214.110.915	3,67%	85.492.789.844	4,61%
Chi phí khác	13.305.764.839	0,21%	18.550.711.561	0,32%	4.056.255.706	0,22%
Tổng chi phí	6.599.098.213.791	105,13%	5.328.184.472.193	90,94%	1.896.913.099.656	102,38%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2016, BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP Xây dựng công nghiệp Việt Nam)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD của Tổng công ty năm 2015 - 2017

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh - Công ty mẹ

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng, giảm năm 2016 so với năm 2015	6 tháng đầu năm 2017
Tổng tài sản	987.792.771.158	961.845.987.264	-2,63%	965.091.911.550
Vốn chủ sở hữu	661.166.698.124	684.694.324.961	3,56%	689.921.047.671
Doanh thu thuần	993.685.401.926	536.657.857.830	-45,99%	160.197.812.155
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30.253.110.860	24.173.550.143	-20,10%	6.829.384.489
Lợi nhuận khác	390.170.387	2.201.137.323	464,15%	260.134.511
Lợi nhuận trước thuế	30.643.281.247	26.374.687.466	-13,93%	7.089.519.000
Lợi nhuận sau thuế	30.643.281.247	26.374.687.466	-13,93%	7.089.519.000
Giá trị sổ sách	12.021	12.449	3,56%	12.544

(Nguồn: BCTC tổng hợp kiểm toán 2016; BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017⁽¹⁾ của Tổng CPCP Xây dựng công nghiệp Việt Nam)

(1) Số liệu so sánh đầu kỳ trên BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017 đã được theo kết quả Biên bản thanh tra Bộ Tài chính ngày 28/4/2017. Tổng Tài sản, vốn chủ sở hữu được điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	01/01/2017	Chênh lệch
Tổng giá trị tài sản	961.845.987.264	958.361.104.606	(3.484.882.658)
Vốn chủ sở hữu	684.694.324.961	682.831.528.671	(1.862.796.290)

***Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với BCTC tổng hợp 2016**

“Như đã trình bày tại Thuyết minh số IV.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Tổng Công Ty đang thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn chưa theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-NTC ngày 28 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Theo đó, sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 cũng như các chỉ tiêu có liên quan trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty (nếu có).”

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh - hợp nhất

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng, giảm năm 2016 so với năm 2015	6 tháng đầu năm 2017
Tổng tài sản	6.774.311.123.415	6.552.355.247.340	-3,28%	6.348.614.842.162
Vốn chủ sở hữu	(348.180.088.388)	93.857.456.051		9.126.174.233
Doanh thu thuần	6.087.073.118.458	5.115.586.092.624	-15,96%	1.795.562.543.271
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(344.263.903.994)	450.717.011.128		(75.623.469.270)
Lợi nhuận khác	28.072.877.250	87.561.544.553	211,91%	37.394.802.518
Lợi nhuận trước thuế	(316.191.026.744)	538.278.555.681		(38.228.666.752)

Lợi nhuận sau thuế	(346.330.581.412)	506.864.383.050		(47.413.081.604)
-Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(383.094.991.635)	465.229.355.783		(64.890.853.224)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	36.764.410.222	41.635.027.268	13,24%	17.477.771.620
Giá trị sổ sách	-10.410	-2.330		-3.931

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2016, BCTC hợp nhất soát xét 6⁽¹⁾ tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP Xây dựng công nghiệp Việt Nam)

(1) Số liệu so sánh đầu kỳ trên BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017 đã được theo kết quả Biên bản thanh tra Bộ Tài chính ngày 28/4/2017. Tổng Tài sản, vốn chủ sở hữu được điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	01/01/2017	Chênh lệch
Tổng giá trị tài sản	6.552.355.247.340	6.536.467.953.335	(15.887.294.005)
Vốn chủ sở hữu	93.857.456.051	78.279.555.823	(15.577.900.228)

*** Ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với BCTC hợp nhất năm 2016:**

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

“Cty TNHH MTV Xây lắp hóa chất, Công ty CP Xây lắp và sản xuất công nghiệp và Công ty cổ phần cơ khí xây lắp hóa chất chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính. Với những tài liệu mà các công ty nêu trên cung cấp, chúng tôi không thể lượng hóa được giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập. Theo đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016 của Tổng Công ty.

Với những tài liệu do Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất cung cấp, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về khoản doanh thu tài chính từ chuyển nhượng cổ phần với giá trị là 23,5 tỷ đồng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng Công ty.

Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất, Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc, Công ty CP xây lắp và sản xuất công nghiệp và Công ty CP Xây lắp hóa chất chưa tiến hành đối chiếu đầy đủ số dư công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2016. Chúng tôi đã áp dụng các

thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán này cũng không cung cấp được cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đưa ra ý kiến nhận xét về số dư các khoản công nợ nêu trên được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2016.”

Vấn đề nhân mạnh:

“Nhu đã trình bày tại Mục I.5 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty đã thực hiện tái cơ cấu các khoản nợ vay của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn theo văn bản số 9048 VPCP-KTTH ngày 24/10/2016 của Văn phòng Chính phủ và Văn bản số 533/BTC-TCDN ngày 13/01/2017 của Bộ Tài chính về việc tái cơ cấu Công ty này”

Vấn đề khác:

“Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất chưa tiến hành tính và hạch toán chi phí lãi vay của các cá nhân để xác minh kết quả kinh doanh năm 2015 và năm tài chính 2016 heo biên bản họp số 160/BBH-XLHC ngày 25/05/2015 và Công văn số 238/CV-XLHC-TCKT ngày 05/09/2014 của công tu do các chi nhánh thực hiện huy động vốn không đúng thẩm quyền, Đồng thời, Công ty chưa hạch toán khoản tiền phạt chậm nộp thuế đất và thuế giá trị gia tăng lũy kế đến ngày 30/11/2016 với tổng giá trị là 8.823.345.846 đồng.

Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc chưa hạch toán tiền lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 31/12/2016 theo Thông báo của Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang vào chi phí sản xuất kinh doanh với giá trị 2.679.044.002 đồng (trong đó phần phát sinh trong năm 2016 là 1.025.459.862 đồng). Công ty đã có Công văn số 832/HACHEMECO- TCHC ngày 31/10/2013 đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang khoan nợ và miễn tính lãi chậm nộp. Ngày 31/12/2014 Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có Công văn số 3790/KL- UBND đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét có chính sách khoan nợ và miễn hoặc giảm tiền lãi chậm nộp cho Doanh nghiệp thực sự khó khăn trong giai đoạn vừa qua để tạo điều kiện cho Doanh nghiệp có cơ hội phục hồi sản xuất. Tuy nhiên đến ngày lập Báo cáo Công ty vẫn chưa nhận được công văn trả lời vấn đề trên”

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm báo cáo

Với đặc thù ngành nghề kinh doanh chủ yếu là xây lắp, xây dựng cơ bản có sự gắn liền với việc phát triển cơ sở hạ tầng của nền kinh tế, sẽ phụ thuộc tương đối chặt chẽ vào tốc độ phát triển tăng trưởng, mức độ đầu tư cho cơ sở hạ tầng của các khu vực kinh tế. Do đó, triển vọng tăng trưởng lạc quan của nền kinh tế sẽ hứa hẹn mang lại nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của VINAINCON; Và ngược lại, khi có sự thay đổi theo chiều hướng xấu đi, nền kinh tế sẽ rơi vào tình trạng trì trệ, giảm phát sẽ có tác động đến hầu như toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế, không loại trừ VINAINCON.

8. Vị thế cạnh tranh của Công ty

8.1. Những lợi thế cạnh tranh của Công ty

Nhằm đảm bảo nâng cao trình độ kỹ thuật công nghệ và quản lý, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về tiêu chuẩn chất lượng của các chủ đầu tư và nhà thầu chính nước ngoài, các Công ty thành viên của VINAINCON đã đầu tư đổi mới mạnh mẽ trang thiết bị thi công, chế tạo cơ khí chuyên ngành hiện đại. Chú trọng hợp tác liên kết với các hãng tư vấn xây dựng và chế tạo thiết bị có uy tín quốc tế, đội ngũ kỹ sư của công nhân lành nghề có chuyên môn kỹ thuật cao được đào tạo nâng cao trình độ thường xuyên cùng với thực tế làm việc trên các công trình lớn đòi hỏi tiêu chuẩn Quốc tế.

VINAINCON có đội ngũ công nhân được đào tạo chuyên ngành về thi công bê tông trong các công trình công nghiệp, được trang bị nhiều trạm trộn bê tông cố định và bán di động của Đức, Nga có khả năng cơ động cao; Các dàn quay bê tông ly tâm dự ứng lực Hàn Quốc có khả năng đảm nhận cung ứng các loại bê tông và bê tông đúc sẵn cường độ cao, chịu nhiệt, chịu hóa chất, ăn mòn... theo tiêu chuẩn Quốc Tế.

8.2. Triển vọng phát triển

Theo thống kê của ngành xây dựng Việt Nam (tháng 5/2015) tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng của Việt Nam đứng thứ 3 trong khu vực Châu Á. Chu kỳ của ngành xây dựng Việt Nam chịu tác động mạnh từ chu kỳ của tăng trưởng kinh tế thường kéo dài từ 3 tới 10 năm. Có thể thấy, năm 2016, ngành xây dựng của nước ta có triển vọng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tập trung chủ yếu từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Trung Quốc, EU, Hoa Kỳ và Canada. Trong đó, Nhật Bản được dự đoán là một trong những nhà đầu tư hàng đầu vào nước ta. Các nguồn vốn ngoại lai nhập vào đi cùng sự phát triển hạ tầng và các công trình xây dựng sản xuất, bất động sản trên khắp đất nước.

Để ngành xây dựng có thể tận dụng hiệu quả những cơ hội sẽ đến trong năm 2016, các doanh nghiệp cần học hỏi và phát triển, sử dụng công cụ quản trị hiện đại để tăng sức cạnh tranh. Doanh nghiệp cần tham gia các hiệp hội, cộng đồng và nghiêm chỉnh tuân thủ các quy tắc ứng xử kinh doanh trong cộng đồng. Ngoài ra, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và công nghệ thi công, sản xuất nguyên nhiên liệu xây dựng cũng là những yêu cầu cấp bách của ngành này.

Như vậy, trong thời gian tới, các doanh nghiệp cần thúc đẩy sự tin cậy, tăng cường hợp tác và thực hiện tốt những giải pháp đã đề ra. Có như vậy, ngành xây dựng mới phát triển bền vững việc sản xuất, kinh doanh và tạo được vị thế, vươn lên cạnh tranh trong khu vực, cũng như quốc tế.

9. Chính sách với người lao động

9.1 Cơ cấu lao động tại ngày 30/06/2017

Bảng 11: Cơ cấu lao động tại ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỉ lệ
Tổng số lao động	6.691	100%
Trong đó:		
- Lao động làm việc theo HĐLĐ từ 12 tháng trở lên	3.458	51,6%
- Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng	3.233	48,3%
1. Phân theo giới tính		
Nam	6.300	94,1%

Nữ	391	5,8%
2. Phân theo trình độ		
Trên Đại học	25	0,003%
Đại học	933	13,9%
Cao Đẳng	215	3%
Trung cấp	630	9%
Phổ thông, CNKT	4.888	73%

(Nguồn: Tổng công ty cổ phần xây dựng công nghiệp Việt Nam)

Tổng số lượng cán bộ nhân viên hiện tại của Tổng công ty cổ phần xây dựng công nghiệp Việt Nam.

Trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên: Xuất phát từ đặc thù ngành nghề kinh doanh nên trình độ chuyên môn của CBCNV được thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau: từ công nhân kỹ thuật... đến Cao đẳng, Đại học và trên Đại học.

Tùy thuộc vào vị trí công việc đòi hỏi trình độ và năng lực cán bộ, CNV Công ty sắp xếp bố trí nhân sự phù hợp; Đối với cán bộ quản lý từ Trưởng, Phó Phòng Ban phải có trình độ đại học, có chuyên môn nghiệp vụ tốt, có kỹ năng quản lý và điều hành, đồng thời nắm vững các quy định của pháp luật về các lĩnh vực có liên quan.

9.2 Chính sách với người lao động

Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật và Tổng công ty, người lao động tại các công trình vùng khó khăn được đảm bảo điều kiện sinh hoạt, chế độ ưu đãi.

• Chính sách đào tạo, tuyển dụng

- Trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh và hội nhập, Tổng công ty coi lực lượng lao động là nguồn lực thiết yếu, không thể thiếu trong quá trình phát triển. Doanh nghiệp cần lực lượng lao động phải đáp ứng được các tiêu chí như: Thái độ tích cực, đúng đắn trong công việc; các kiến thức nền tảng, kỹ năng cứng liên quan tới công việc chuyên ngành; kỹ năng mềm như giao tiếp, xử lý tình huống...

- Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên có hiệu quả cùng với công tác quy hoạch cán bộ theo cơ chế hiện đại để những người trẻ tuổi có điều kiện phát triển tố chất lãnh đạo. Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn. Tuyển dụng và giữ chân những nhân viên thích hợp, loại bỏ những nhân viên làm việc không hiệu quả và cung cấp cho các nhân viên những nguồn lực cần thiết để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- *Tuyển dụng:* Mục tiêu tuyển dụng của Tổng công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy thuộc vào từng vị trí đảm nhận mà có những tiêu chuẩn quy định phù hợp. Chính sách tuyển dụng của Tổng công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước.

- *Đào tạo:* Tổng công ty luôn chú trọng tới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Việc đào tạo tại Tổng công ty được thực hiện theo hướng sau:

- **Đào tạo nhân viên mới:** Sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Tổng công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

- **Đào tạo thường xuyên:** Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Tổng công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Tổng công ty, Tổng công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện v.v... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ và đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

- **Chế độ làm việc**

- Tổng công ty thực hiện chế độ làm việc 44 giờ/ tuần và 8 giờ/ngày.
- Tổng công ty luôn quan tâm và đảm bảo môi trường làm việc an toàn. Các nguyên tắc về an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Người lao động làm việc trực tiếp tại các công trường được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, được hưởng chế độ bồi dưỡng độc hại, được đào tạo về vệ sinh, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...

- **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

- Việc phân phối tiền lương, tiền thưởng từ quỹ lương được gắn liền với hiệu quả làm việc của người lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước.

- Tổng công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc cho người lao động. Người lao động làm việc theo chức danh công việc gì thì hưởng lương theo chức danh công việc đó. Khi thay đổi công việc, thay đổi chức vụ thì hưởng lương theo công việc mới, chức vụ mới.

- Quy định về xét tăng lương hàng năm cho người lao động đảm bảo tính minh bạch công khai.

- Tổng công ty đã thực hiện khen thưởng hàng kỳ, đột xuất cho cá nhân, tập thể tiên tiến và xuất sắc. Tiêu chuẩn để xét thi đua và khen thưởng căn cứ vào việc chấp hành nội quy quy chế của Tổng công ty, thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực lãng phí.

- Thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo luật định và thỏa ước lao động tập thể.

- Luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan nghỉ mát hàng năm, quan tâm tới người lao động trong các ngày lễ tết.

- Mức lương bình quân đến thời điểm 30/06/2017 là: 7,8 triệu đồng/người/tháng.

10. Chính sách cổ tức

- Căn cứ theo Điều lệ của Tổng công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên những cơ sở như sau:
- Tổng công ty chỉ trả cổ tức khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn.

- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào giữa năm nếu Hội đồng quản trị cho rằng khả năng lợi nhuận của Tổng công ty có thể đáp ứng.

Bảng 12: Tình hình chi trả cổ tức từ 2014 – 2016

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán
2015	0%	-
2016	5%	Bằng tiền ⁽¹⁾

(Nguồn: Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam)

⁽¹⁾ Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2016 vào ngày 15/09/2017

11. Tình hình tài chính

- **Trích khấu hao TSCĐ:**

- Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu, nguyên tắc của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.
- Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là giá trị quyền sử dụng đất, giá trị phần mềm và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên tắc nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao như sau:

Tài sản	2016 Số năm	6 tháng đầu 2017 Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm	30-50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm	05-06 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm	03-06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 12 năm	03-05 năm
Tài sản cố định khác	02 - 50 năm	

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2017

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo đối tượng và kỳ hạn phải trả, các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản nợ đến hạn được thanh toán đầy đủ và đúng kỳ hạn theo quy định của pháp luật.

- **Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty thực hiện việc nộp thuế hàng năm theo đúng quy định của Nhà nước.

- **Trích lập các quỹ theo luật định:**

– Việc thực hiện trích lập các quỹ theo luật định, Công ty thực hiện theo quy định và Điều lệ của Công ty. Tỷ lệ trích lập các quỹ được Hội đồng Quản trị quyết định từng năm và trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt.

- **Tổng dư nợ vay**

Bảng 13: Tổng dư nợ vay - Công ty mẹ

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	90.982.262	18.321.998.135	2.556.782.138
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0	0
Tổng cộng các khoản vay	90.982.262	18.321.998.135	2.556.782.138

(Nguồn: BCTC tổng hợp kiểm toán 2016, BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam)

Bảng 14: Tổng dư nợ vay - hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	400.204.876.201	512.293.244.132	505.897.312.411
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (*)	4.086.738.346.585	3.584.692.344.172	3.542.204.644.571
Tổng cộng các khoản vay (*)	4.486.943.222.786	4.096.985.588.304	4.048.101.956.982

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2016, BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam)

(*) Số liệu so sánh đầu kỳ trên BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017 được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra Bộ Tài chính ngày 28/4/2017, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	31/12/2016	01/01/2017	Chênh lệch
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.584.692.344.172	3.592.564.514.773	7.872.170.601
Tổng cộng các khoản vay	4.096.985.588.304	4.104.857.758.905	7.872.170.601

- **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 15: Tình hình công nợ phải thu - công ty mẹ

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Các khoản phải thu ngắn hạn (*)	258.484.608.951	290.047.295.959	238.955.734.569
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	149.309.103.204	228.040.559.853	123.162.641.519
Trả trước cho người bán ngắn hạn	56.604.391.061	41.006.296.275	53.266.575.944
Phải thu ngắn hạn khác	105.452.488.048	64.591.683.689	108.907.537.518
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(52.881.333.362)	(43.591.243.858)	(46.381.020.412)
Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0
Tổng cộng các khoản phải thu (*)	258.484.608.951	290.047.295.959	238.955.734.569

(Nguồn: BCTC tổng hợp kiểm toán 2016, BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam)

(*) Số liệu so sánh đầu kỳ trên BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017 được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra Bộ Tài chính ngày 28/4/2017, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	01/01/2017	Chênh lệch
Các khoản phải thu ngắn hạn	290.047.295.959	287.257.519.405	(2.789.776.554)
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(43.591.243.858)	(46.381.020.412)	(2.789.776.554)
Tổng cộng các khoản phải thu	290.047.295.959	287.257.519.405	(2.789.776.554)

Bảng 16: Tình hình công nợ phải thu - hợp nhất

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.328.665.992.671	1.361.754.451.444	1.410.637.490.846
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*)	1.052.513.826.349	1.136.882.686.170	977.700.221.673
Trả trước cho người bán ngắn hạn	200.013.498.177	174.959.280.587	333.211.279.835
Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	3.238.804.810	3.148.531.901	3.148.531.901
Phải thu ngắn hạn khác	224.479.866.674	188.265.660.095	240.248.307.424
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(153.740.371.055)	(143.662.039.025)	(145.831.181.703)
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.160.331.716	2.160.331.716	2.160.331.716

Các khoản phải thu dài hạn	5.434.125.404	10.070.459.600	9.711.534.485
Phải thu dài hạn khác	5.434.125.404	10.070.459.600	9.711.534.485
Tổng cộng	1.334.100.118.075	1.371.824.911.044	1.420.349.025.331

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2016, BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam)

(*) Số liệu so sánh đầu kỳ trên BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017 được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra Bộ Tài chính ngày 28/4/2017, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	01/01/2017	Chênh lệch
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.361.754.451.444	1.362.001.789.228	247.337.784
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.136.882.686.170	1.137.186.505.587	303.819.417
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(143.662.039.025)	(143.718.520.658)	(56.481.633)

Bảng 17: Tình hình công nợ phải trả - Công ty mẹ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Nợ ngắn hạn (*)	326.574.339.534	277.044.928.803	275.115.863.879
Phải trả người bán ngắn hạn	210.242.641.646	168.745.757.309	146.095.228.092
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21.280.193.139	7.168.542.748	51.650.990.067
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.296.136.577	2.576.887.785	1.223.625.265
Phải trả người lao động	8.875.501.288	6.626.385.858	2.917.843.320
Chi phí phải trả ngắn hạn (*)	23.119.419.196	30.230.813.877	27.988.200.828
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	52.296.220.307	34.247.147.962	34.394.799.040
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	90.982.262	18.321.998.135	2.556.782.138
Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.992.333.137	3.738.273.147	3.738.273.147
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.380.911.982	5.389.121.982	4.550.121.982
Nợ dài hạn	51.733.500	106.733.500	55.000.000

Phải trả dài hạn khác	51.733.500	106.733.500	55.000.000
Tổng các khoản Nợ Phải trả (*)	326.626.073.034	277.151.662.303	275.170.863.879

(Nguồn: BCTC tổng hợp kiểm toán 2016, BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam)

(*) Số liệu so sánh đầu kỳ trên BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017 được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra Bộ Tài chính ngày 28/4/2017, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	01/01/2017	Chênh lệch
Nợ ngắn hạn	277.044.928.803	275.422.842.435	(1.622.086.368)
- Chi phí phải trả ngắn hạn	30.230.813.877	28.608.727.509	(1.622.086.368)
Tổng các khoản Nợ Phải trả (*)	277.151.662.303	275.529.575.935	(1.622.086.368)

Bảng 18: Tình hình công nợ phải trả - hợp nhất

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Nợ ngắn hạn (*)	2.895.714.482.818	2.703.871.645.115	2.646.498.003.560
Phải trả người bán ngắn hạn	1.074.365.889.931	1.045.340.235.117	924.048.695.231
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	421.205.809.262	282.742.525.523	482.966.195.373
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	110.920.900.380	129.900.278.589	120.456.445.183
Phải trả người lao động	155.568.744.975	116.419.046.255	61.526.374.723
Chi phí phải trả ngắn hạn (*)	420.858.339.385	323.902.454.455	272.643.569.753
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.114.279.682	4.645.887.835	451.293.016
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	248.573.356.087	213.931.101.361	212.569.420.963
Dự phòng phải trả ngắn hạn (*)	49.550.318.748	58.600.761.551	48.903.731.808
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	400.204.876.201	512.293.244.132	505.897.312.411
Quỹ khen thưởng phúc lợi	13.351.968.167	16.096.110.297	17.034.965.099
Nợ dài hạn (*)	4.226.776.728.985	3.754.626.146.174	3.692.990.664.369

Phải trả dài hạn khác	78.542.203.751	21.293.605.016	5.404.098.583
Phải trả người bán dài hạn	-	30.430.932.743	29.057.351.338
Chi phí phải trả dài hạn	-	67.669.996.743	67.669.996.743
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (*)	4.086.738.346.585	3.584.692.344.172	3.542.204.644.571
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	358.937.279	10.669.128	24.016.579
Dự phòng phải trả dài hạn (*)	60.641.603.870	49.809.558.372	48.476.956.555
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	495.637.500	719.040.000	153.600.000
Tổng cộng Nợ phải trả (*)	7.122.491.211.803	6.458.497.791.289	6.339.488.667.929

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2016, BCTC hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam)

(*) Số liệu so sánh đầu kỳ trên BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017 được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra Bộ Tài chính ngày 28/4/2017, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016	31/12/2015	Chênh lệch
Nợ ngắn hạn	2.703.871.645.115	2.699.199.789.166	-4.671.855.949
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	129.900.278.589	131.701.473.572	1.801.194.983
Chi phí phải trả ngắn hạn	323.902.454.455	318.290.336.034	-5.612.118.421
Dự phòng phải trả ngắn hạn	58.600.761.551	57.739.829.040	-860.932.511
Nợ dài hạn	3.754.626.146.174	3.758.988.608.346	4.362.462.172
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.584.692.344.172	3.592.564.514.773	7.872.170.601
Dự phòng phải trả dài hạn	49.809.558.372	46.299.849.943	-3.509.708.429
Tổng cộng Nợ phải trả	6.458.497.791.289	6.458.188.397.512	-309.393.777

- **Tình hình đầu tư tài chính**
Bảng 21. Đầu tư tài chính - công ty mẹ

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	93.984.000.000	193.622.000.000
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	93.984.000.000	193.622.000.000
II	Đầu tư tài chính dài hạn	458.583.297.225	428.583.297.225	423.583.297.225

1	Đầu tư vào công ty con	474.731.033.021	461.522.690.757	461.522.690.757
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	41.055.249.888	54.263.592.152	54.263.592.152
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28.883.043.675	28.883.043.675	28.883.043.675
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(86.086.029.359)	(116.086.029.359)	(121.086.029.359)

Nguồn: BCTC tổng hợp kiểm toán 2016, BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam)

Bảng 22. Đầu tư tài chính - hợp nhất

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.286.439.797	111.205.695.925	211.256.423.198
1.	Chứng khoán kinh doanh	1.129.000.000	1.129.000.000	1.129.000.000
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.157.439.797	110.076.695.925	210.127.423.198
II	Đầu tư tài chính dài hạn (*)	111.407.823.100	236.122.568.585	236.220.004.818
1.	Đầu tư vào công ty liên kết (*)	78.568.814.067	194.443.559.552	194.540.995.785
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	35.801.408.675	44.641.408.675	44.641.408.675
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.962.399.642)	(2.962.399.642)	(2.962.399.642)

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2016, BCTC hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam)

() Số liệu so sánh đầu kỳ trên BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017 được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra Bộ Tài chính ngày 28/4/2017, cụ thể như sau:*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	01/01/2017	Chênh lệch
Đầu tư tài chính dài hạn	236.122.568.585	236.220.004.818	97.436.233
- Đầu tư vào công ty liên kết	194.443.559.552	194.540.995.785	97.436.233

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu - Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016 (*)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,51	1,79
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,32	1,44
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,33	0,29
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,49	0,40
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	7,51	6,720
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,01	0,58
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,08%	4,68%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH BQ	%	4,74%	3,92%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TSBQ	%	2,53%	2,71%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	3,04%	4,29%

(Nguồn: BCTC tổng hợp kiểm toán 2015, 2016 và BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017)

(*) Số liệu tại ngày 31/12/2016 để tính toán các chỉ tiêu tài chính năm 2016 được lấy theo số liệu đầu kỳ trên BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017, là số liệu đã được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra Bộ Tài chính ngày 28/4/2017.

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu - hợp nhất

Các chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016 (*)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,08	1,11
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,75	0,79
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	1,05	0,99
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (**)	Lần	/	82,50
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,78	5,13
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,90	0,77
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-5,69%	9,91%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH BQ(**)	%	/	/
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TSBQ	%	-4,92%	7,62%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	-5,66%	8,81%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2015, 2016 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017)
Số liệu tại ngày 31/12/2016 để tính toán các chỉ tiêu tài chính năm 2016 được lấy theo số liệu đầu kỳ trên BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017, là số liệu đã được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra Bộ Tài chính ngày 28/4/2017.

(*) *Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2015 âm nên không tính hệ số nợ/vốn chủ sở hữu, hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH và hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng TSBQ*

12. Tài sản

Bảng 23. Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016 - công ty mẹ

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	32.752.114.304	16.039.091.747	49%
Nhà cửa, vật kiến trúc	20.522.634.161	12.148.821.683	59%
Máy móc và thiết bị	1.251.001.000	670.387.836	54%
Phương tiện vận tải	10.545.609.262	3.188.382.231	30%
Thiết bị dụng cụ quản lý	432.869.881	31.499.997	7%
Tài sản cố định khác	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	833.820.000	101.118.692	12%
Giá trị phần mềm	833.820.000	101.118.692	12%
Tổng cộng	33.585.934.304	16.140.210.439	48%

(Nguồn: BCTC tổng hợp kiểm toán năm 2016)

Bảng 24: Giá trị tài sản dở dang dài hạn qua các năm – Công ty mẹ

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10.490.260.000	108.219.000	108.219.000
- Công trình khu công nghiệp Cầu Diễn	108.219.000	108.219.000	108.219.000
- Giá trị ½ tòa nhà Vinaincon	10.382.041.000	-	-

Bảng 215: Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016 - hợp nhất

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	4.379.276.948.433	3.106.636.514.687	70,9%
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.173.423.945.926	864.929.639.308	73,7%
Máy móc và thiết bị	3.037.665.431.140	2.191.055.123.607	71,3%
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	149.487.342.299	47.119.764.605	31,5%
Thiết bị dụng cụ quản lý	4.729.225.547	1.425.043.516	30,1%
Tài sản cố định khác	13.971.003.508	2.106.943.650	15,1%
Tài sản cố định vô hình	15.021.775.636	10.629.800.683	70,8%
Quyền sử dụng đất	11.579.148.806	9.928.488.218	85,7%
Giá trị phần mềm	1.498.888.750	109.482.040	7,3%
TSCĐ vô hình khác	1.943.738.080	591.830.425	30,4%
Tài sản cố định thuê tài chính	709.090.909	413.636.359	58,3%

là với sự gia nhập thị trường của các tập đoàn vốn nước ngoài chất lượng cao. Để có thể thoả mãn được yêu cầu sản xuất tiên tiến, việc xây dựng phát triển các công trình công nghiệp chất lượng cao đang được chú trọng và thúc đẩy lên trên hết. Bên cạnh những công trình nhà máy sản xuất công nghiệp chất lượng cao, để có thể tạo điều kiện thuận lợi cho

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Phương tiện vận tải truyền dẫn	709.090.909	413.636.359	58,3%
Tổng cộng	4.395.007.814.978	3.117.679.951.729	70,9

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016)

Bảng 26: Giá trị tài sản dở dang dài hạn qua các năm – hợp nhất

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	12.162.201.632	12.140.542.754	12.140.542.754
Dầu máil Silô bột liệu – Xi măng Thái Nguyên	517.842.909	517.842.909	517.842.909
Công trình thi công – Công ty TNHH ITV Lắp máy & Xây dựng VINASHIN-Phà Rừng	520.152.872	520.152.872	520.152.872
Công trình Gang thép Thái Nguyên-Hạng mục thiêu kết	5.822.473.366	5.829.233.366	5.829.233.366
Công trình Đường ống Formosa Hà Tĩnh	3.636.118.101	3.607.699.223	3.607.699.223
Công trình-Chi nhánh Công ty Hà Bắc-Silô B/liệu 313-BH01-A01(S05) Xi măng Thái Nguyên	-	-	841.546.643
Công trình-Công ty TNHH Duy Phát: Supe phốt phát LT	-	-	824.067.741
Các công trình khác	1.665.614.384	1.665.614.384	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	20.555.910.386	27.828.908.713	40.873.911.059
Xây dựng Nhà điều hành Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới	10.556.975.085	12.264.503.479	-
Chi phí sửa chữa trụ sở Văn phòng Công ty	40.000.000	2.525.905.955	7.023.026.027
Xây dựng nhà văn phòng số 2 – Nhà máy Cầu Kiền	501.127.288	501.127.288	501.127.288
Nhà văn phòng 409 Song Hành	-	4.505.636.495	-
Khuôn cọc ván SW600	1.667.760.274	-	-
Dự án tại Lào Cai	4.991.099.484	5.012.917.666	5.048.372.211
Dự án tại Yên Bái	689.764.581	689.764.581	689.764.581
Nhà máy Bến Cát Bình Dương	-	-	6.792.121.824
Các công trình và dự án khác	2.109.183.674	2.329.053.249	20.819.499.128
Tổng cộng	32.718.112.018	39.969.451.467	53.014.453.813

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2016, BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017)

Bảng 27: Tình hình sử dụng đất đai- Công ty mẹ

TT	Địa chỉ đất	Diện tích (m2)	Đất thuê/giao	Hiện trạng sử dụng
----	-------------	----------------	---------------	--------------------

đất				
1	Số 5 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.	878	Thuê đất 20 năm	Tổng công ty đang quản lý, sử dụng làm văn phòng làm việc

(Nguồn: Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

13.1. Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm 2017, 2018

Bảng 28: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017, 2018 (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017
Vốn điều lệ	550.000.000.000	-	550.000.000.000	-
Doanh thu thuần	3.990.000.000.000	-22%	4.390.000.000.000	10%
Lợi nhuận sau thuế	-112.763.000.000	/	-101.486.700.000	/
Trong đó: - Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	86.752.000.000	/	78.076.800.000	10%
- Lãi/lỗ Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	-199.515.000.000	/	-179.563.500.000	/
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(28,26%)	/	(23,12%)	/
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	(20,50%)	/	(18,45%)	/
Tỷ lệ cổ tức (*)	N/a	/	N/a	/

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 của Tổng CTCP xây dựng công nghiệp Việt Nam. Kế hoạch năm 2018 do Ban Lãnh đạo Tổng Công ty lập chưa thông qua Đại hội đồng cổ đông)

(*) Công ty chưa có kế hoạch về tỷ lệ cổ tức năm 2017, 2018

13.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Công cuộc tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đi cùng với xu thế mở rộng đầu tư toàn cầu đang biến Việt Nam trở thành công xưởng của khu vực và thế giới, đặc biệt là với sự gia nhập thị trường của các tập đoàn vốn nước ngoài chất lượng cao. Để có thể thoả mãn được yêu cầu sản xuất tiên tiến, việc xây dựng phát triển các công trình công nghiệp chất lượng cao đang được chú trọng và thúc đẩy lên trên hết. Bên cạnh những công trình nhà máy sản xuất công nghiệp chất lượng cao, để có thể tạo điều kiện thuận lợi cho

việc sản xuất, lưu thông hàng hoá giữa các địa điểm, nhà nước ta cũng hết sức ưu tiên việc xây dựng các tuyến đường cao tốc, quốc lộ cùng với các hệ thống điện tiên tiến để đảm bảo nhu cầu sản xuất ổn định. Những nhu cầu lớn đó của sự phát triển đất nước đặt ra hướng đi cho công ty cho những năm tiếp theo. Lấy xây dựng các công trình công nghệ cao làm trọng tâm, hoàn thiện năng lực thiết kế, thi công, quản lý công trình của mình để VINAINCON có thể tiếp tục là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp. VINAINCON đã có lợi thế là một công ty xây dựng dày kinh nghiệm và có trình độ công nhân viên cao, đã tham gia rất nhiều các công trình xây dựng trọng điểm. Những ưu thế đó giúp công ty nổi bật không chỉ trong lĩnh vực xây dựng các công trình có vốn nhà nước mà còn ở các công trình có vốn đầu tư nước ngoài, khi các tập đoàn đa quốc gia đang gấp rút chuẩn bị cho việc triển khai sản xuất tại Việt Nam.

- Bên cạnh đó, các yêu cầu về chỉ số an toàn kỹ thuật, an toàn lao động và môi trường trong xây dựng ngày càng được chú trọng trong xây dựng. Việc phát triển bền vững không chỉ là động cơ của nền kinh tế mà còn trở thành kim chỉ nam cho tất cả các doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp xây dựng không phải là một ngoại lệ.
- Để hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh đề ra cho năm 2016, công ty đã đề ra nhiều giải pháp đồng bộ để tiến hành:
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp, đảm bảo hài hoà giữa chỉ tiêu doanh số và lợi nhuận đạt được các chỉ tiêu của phương án sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Tăng cường công tác quản lý vật tư, tiền vốn, hàng hoá, công nợ và thực hiện tốt các chính sách thuế đối với Nhà nước. Thực hiện kinh doanh theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Tiếp tục theo dõi bố trí sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, nhân sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc. Xây dựng cơ chế, chính sách tiền lương, thu nhập ổn định, tạo động lực để thu hút và phát triển được nguồn nhân lực có chất lượng cao. Xây dựng công ty phát triển bền vững với trình độ của các cán bộ nguồn công ty cùng với đội ngũ công nhân viên cao.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị để đổi mới công nghệ sản xuất theo tiêu chí nâng cao năng suất chất lượng, cải tạo kho tàng nhà xưởng đáp ứng theo xu hướng phát triển của ngành nghề.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về vệ sinh công nghiệp, an toàn phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.
- Quan tâm đời sống người lao động, đẩy mạnh các phong trào thi đua toàn công ty. Sắp xếp nhân lực hợp lý, bổ sung nhân lực phù hợp đáp ứng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

13.3. Kết quả thực hiện hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017

Doanh thu hợp nhất đạt 1.796 tỷ đồng doanh thu, giảm xấp xỉ 23% so với cùng kỳ năm 2016 và bằng 45% so với kế hoạch năm 2017. Tuy nhiên trên thực tế, Công ty đã thực hiện kiểm soát tốt các chi phí đầu vào, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán vì vậy so với cùng kỳ năm 2016, hiệu quả hoạt động kinh doanh đã được cải thiện đáng kể. Cụ thể lợi nhuận sau thuế hợp nhất từ lỗ 130 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2016 xuống còn lỗ 47 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2017.

Về cơ bản, Công ty đã bám sát được kế hoạch đề ra trong năm 2017. Do đặc thù của hoạt động xây dựng, xây lắp, hầu hết các khoản doanh thu đều được hạch toán vào quý IV vì vậy VVN hoàn toàn có khả năng đạt được kế hoạch đề ra.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch.

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào tình hình kinh doanh hiện tại và dự kiến tình hình thị trường năm 2016 và những năm tiếp theo của nhiệm kỳ, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm nhiệm kỳ III (2016 – 2020) như sau:

- Tập trung kiện toàn, sắp xếp bộ máy tổ chức theo hướng phù hợp với tình hình thực tế tại từng thời kỳ. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016 – 2020) theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
- Thực hiện tốt các nhiệm vụ để đạt và vượt các chỉ tiêu cơ bản về doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ cổ tức được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
 - Mua sắm máy móc thiết bị: Đầu tư, mua sắm trang thiết bị cho xây dựng, sản xuất.
 - Tập trung nâng cao năng lực thi công các dự án xây dựng của các nhóm dự án và của các nhân viên trong công ty, tạo thành một tập thể với nhân sự giàu khả năng, kinh nghiệm và có sức cạnh tranh cao.
 - Mở rộng thêm đối tượng xây dựng: Bên cạnh xây dựng các dự án trong điểm của Nhà nước, VINAINCON mở rộng ra các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, xây dựng các công trình có vốn vay ODA, xây dựng các nhà máy công nghệ cao cho các doanh nghiệp FDI.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu đăng ký giao dịch.

Không có

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Gia Du	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Ông Nguyễn Thế Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
3	Ông Hoàng Chí Cường	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
4	Ông Trần Đức Y	Ủy viên HĐQT	Thành viên không điều hành
5	Bà Trần Thị Minh	Ủy viên HĐQT	Thành viên không điều hành

1.1 Ông Nguyễn Gia Du - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Nguyễn Gia Du
Số CMTND	011378470
Ngày cấp, nơi cấp	Cấp ngày: 29/11/2010 Nơi cấp: Hà Nội
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	09/8/1959
Nơi sinh	Bát Tràng – Gia Lâm – Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bát Tràng – Gia Lâm – Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 169, Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(024) 35.142.411
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Quá trình công tác:	8/1982 – 10/1987: Cán bộ phòng kỹ thuật Công ty Xây lắp Hóa chất
	11/1987 – 12/1988: Trợ lý Giám đốc Xí nghiệp H36 thuộc Công ty Xây lắp Hóa chất
	12/1988 – 02/1990: Phó giám đốc xí nghiệp H36 thuộc Công ty Xây lắp Hóa chất
	3/1990 – 02/1996: Giám đốc xí nghiệp H36 thuộc Công ty Xây lắp Hóa chất
	3/1996 – 8/1998: Trợ lý Giám đốc Công ty Xây lắp Hóa chất kiêm Giám đốc Trung tâm Tư vấn thiết kế và Xây dựng
	9/1998 – 11/1998: Phó giám đốc Công ty Xây lắp Hóa chất kiêm Giám đốc Trung tâm Tư vấn thiết kế và Xây dựng
	11/1998 – 3/2001: Phó tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam kiêm Giám đốc Trung tâm Tư vấn thiết kế và Xây dựng
	3/2001 – 12/2002: Phó tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam
	01/2003 – 3/2008: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam

	04/2008 – 6/2011: Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam 6/2011 – đến nay: Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổng công ty	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/06/2017	12.035.200 CP chiếm 21,882% VDL
Trong đó: - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước:	11.962.500 CP chiếm 21,75% VDL
- Cá nhân sở hữu:	72.700 CP chiếm 0,132%
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

1.2 Ông Nguyễn Thế Thành - Phó chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Nguyễn Thế Thành	
Số CMTND	010442637	
Ngày cấp, nơi cấp	Ngày cấp: 21/8/2009	Nơi cấp: Hà Nội
Giới tính	Nam	
Ngày tháng năm sinh	15/03/1961	
Nơi sinh	Điện Biên	
Quốc tịch	Việt Nam	
Dân tộc	Kinh	
Quê quán	Tế Lợi, Nông Công, Thanh Hóa	
Địa chỉ thường trú	P112, C4 - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội - Việt Nam	
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(024) 35.142.408	
Trình độ văn hoá	10/10	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Thống kê xây dựng cơ bản	
Quá trình công tác:	01/1982 – 3/1985: Trung úy, Trợ lý Sư đoàn 344 – Binh đoàn 12 – Bộ Quốc Phòng	
	3/1985 – 5/1988: Chuyên viên Vụ TCKT Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật Tin học.	
	5/1988 – 01/1991: Công nhân hợp tác lao động tại CHDC Đức	
	02/1991 – 10/1998: Phó trưởng phòng TCKT Liên hiệp Điện tử Tin học Việt Nam, Tổng công ty Điện tử tin học Việt Nam – Bộ Công nghiệp	
	10/1998 – 7/2003: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	
	8/2003 – 5/2005: Kế toán trưởng Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	
	5/2005 – 5/2011: Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	

	5/2007 – đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần bao bì Sông Công, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần khai thác đá vôi Quang Sơn
	10/2007 – đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Khoáng sản VINAINCON
	10/2010 – đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 5, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bê tông ly tâm An Giang
	5/2011 đến nay: Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổng công ty	Phó chủ tịch HĐQT
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần bao bì Sông Công
	- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần khai thác đá vôi Quang Sơn
	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP ĐT và Khoáng sản VINAINCON
	- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bê tông ly tâm An Giang
	- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 5
Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/06/2017	11.062.800 CP chiếm 20,114% VDL
Trong đó: - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước:	11.000.000 CP chiếm 20% VDL
- Cá nhân sở hữu:	62.800 CP chiếm 0,114 % VDL
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

1.3. Ông Hoàng Chí Cường - Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc

Họ và tên	Hoàng Chí Cường
Số CMTND	010222012
Ngày cấp, nơi cấp	Ngày cấp: 03/12/2004 Nơi cấp: Hà Nội
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	13/12/1960
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Đông Vệ, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	Số nhà 46, phố Hàng Khoai - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(024) 35.142.413
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Hóa chất
Quá trình công tác:	6/1985 – 2/1996: Cán bộ phòng Kế hoạch, Công ty Xây lắp Hóa chất
	3/1996 – 9/1998: Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại, Công ty Xây lắp Hóa chất
	15/9/1998 – 10/1998: Phó phòng Kế hoạch Thị trường, Công ty

	Xây lắp Hóa chất
	10/1998 – 6/2004: Trưởng phòng Kế hoạch Thị trường, Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam
	6/2004 – 3/2008: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Thị trường, Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam
	4/2008 – 5/2011: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam
	7/2008 – đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Xây dựng VINAINCON 6, Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn
	9/2010 – đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon
	4/2012 – đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP TVTK và Xây dựng VINAINCON
	6/2011 – đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy khối Công nghiệp Hà Nội; Bí thư Đảng ủy, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam.
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổng công ty	Bí thư Đảng ủy, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP TVTK và Xây dựng VINAINCON
	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Xây dựng VINAINCON 6
	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon
	- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn
Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/06/2017	11.652.400 CP chiếm 21,186% VDL
Trong đó: - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước:	11.550.000 CP chiếm 21 % VDL
- Cá nhân sở hữu:	102.400 CP chiếm 0,186% VDL
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

1.4 Ông Trần Đức Y - Ủy viên HĐQT

Họ và tên	Trần Đức Y	
Số CMTND	012414952	
Ngày cấp, nơi cấp	Ngày cấp: 21/8/2015	Nơi cấp: Hà Nội
Giới tính	Nam	
Ngày tháng năm sinh	27/01/1961	
Nơi sinh	Hà Nam	
Quốc tịch	Việt Nam	
Dân tộc	Kinh	
Quê quán	Xã Tiên Thắng, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam	
Địa chỉ thường trú	206B Nhà 3, Tập thể Xí nghiệp Xây lắp 24 Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.	
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(024) 38.834.977	
Trình độ văn hoá	10/10	
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư	

Quá trình công tác:	01/1984 – 2/1985: Nhân viên phòng Tổ chức lao động Công ty Xây lắp Điện II – Bộ công nghiệp nặng
	3/1985 – 3/1996: Trưởng phòng TCLĐ Nhà máy kết cấu thép cơ khí Xây dựng
	4/1996 – 5/1997: Phó Giám đốc Nhà máy kết cấu thép cơ khí Xây dựng
	6/1997 – 5/2000: Phó giám đốc Nhà máy kết cấu thép cơ khí Đông Anh
	6/2000 – 4/2007: Giám đốc Nhà máy kết cấu thép cơ khí Đông Anh
	5/2007 – đến nay: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP kết cấu thép xây dựng
	7/2009 – đến nay: Ủy viên HĐQT Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổng công ty	Ủy viên HĐQT Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP kết cấu thép xây dựng
Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/06/2017	11.020.000 CP chiếm 20,036% VDL
Trong đó: - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước:	11.000.000 CP chiếm 20% VDL
- Cá nhân sở hữu:	20.000 CP chiếm 0,036 % VDL
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

1.5 Bà Trần Thị Minh - Ủy viên HĐQT

Họ và tên	Trần Thị Minh	
Số CMTND	038174000159	
Ngày cấp, nơi cấp	Ngày cấp: 12/10/2015	Nơi cấp: Hà Nội
Giới tính	Nữ	
Ngày tháng năm sinh	08/7/1974	
Nơi sinh	Thanh Hóa	
Quốc tịch	Việt Nam	
Dân tộc	Kinh	
Quê quán	Hà Yên, Hà Trung, Thanh Hóa	
Địa chỉ thường trú	Số 9, Ngõ 1, phố Tạ Quang Bửu - Hà Nội - Việt Nam	
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(024) 35.143.154	
Trình độ văn hoá	12/12	
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế	
Quá trình công tác:	8/1996 – 7/1999: Cán bộ phòng Kế hoạch Thị trường Công ty Xây lắp Hóa chất	
	7/1999 – 5/2011: Cán bộ phòng Kế hoạch Thị trường Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	
	6/2011 – 6/2016: Trưởng ban Kế hoạch đầu tư và Quản lý hợp đồng Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	

	6/2012 – đến nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Đầu tư xây dựng số 5
	6/2014 – đến nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ Phần tư vấn Thiết kế và Xây Dựng Vinaincon
	6/2016 – đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng ban Kế hoạch đầu tư và Quản lý hợp đồng Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổng công ty	Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng ban Kế hoạch đầu tư và Quản lý hợp đồng Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	- Trưởng ban kiểm soát Cty CP tư vấn TK&XD Vinaincon - Trưởng ban kiểm soát Cty CP Đầu tư xây dựng số 5
Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/06/2017	123.700 CP chiếm 0,225% VDL
Trong đó: - Đại diện sở hữu:	Không có
- Cá nhân sở hữu:	123.700 CP chiếm 0,225% VDL
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Ngọc Cường	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Đặng Quang Cường	Thành viên Ban Kiểm soát

2.1. Bà Nguyễn Thị Thu Nga – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên	Nguyễn Thị Thu Nga
Số CMTND	012132177
Ngày cấp, nơi cấp	Ngày cấp: 20/4/2013 Nơi cấp: Hà Nội
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	14/11/1974
Nơi sinh	Phú Thọ
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Thái Tân, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Số 2, Phạm Ngũ Lão - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(024) 35.145.249
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	9/1995 – 4/2003: Làm việc tại phòng Tài chính kế toán - Chi nhánh I – Công ty thuốc sát trùng Việt Nam – thuộc tập đoàn Hóa chất Việt Nam

	5/2003 – 5/2011: Làm việc tại phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam. Từ ngày 1/6/2009 là phó phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam.
	6/2011 – 6/2013: Phó Ban Tài chính Kế toán kiêm nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam
	7/2013 – đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổng công ty	Trưởng ban Kiểm soát
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/06/2017	34.200 CP chiếm 0,062% VDL
Trong đó: - Đại diện sở hữu:	Không có
- Cá nhân sở hữu:	34.200 CP chiếm 0,062% VDL
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

2.2 Ông Nguyễn Ngọc Cường – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Nguyễn Ngọc Cường
Số CMTND	011245664
Ngày cấp, nơi cấp	Cấp ngày: 05/8/2008 Nơi cấp: Hà Nội
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	03/8/1968
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú	Số nhà 13, ngõ 154, phố Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(024) 35.145.249
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	1986 – 1991: Học nghề tại Cộng hòa dân chủ Đức
	1992 – 1995: Cán bộ giám sát kỹ thuật Chi nhánh A1 – A500 đường dây 500KV Bắc Nam – Công ty Xây lắp Điện I – Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương)
	1995 – 1998: Cán bộ Quản lý công trình Xây lắp Điện I – Công ty Xây lắp Điện I
	1999 – 2002: Phó giám đốc phụ trách Trung tâm tư vấn Xây dựng Điện I – Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I
	2002 – 2006: Chuyên viên phòng Đầu tư XDCB – Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam

	2006 – 5/2011: Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam
	2008 – đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây dựng công nghiệp
	2010 – đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Cơ khí Hồng Nam
	Tháng 6/2011 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Thư ký HĐQT Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổng công ty	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CPĐT và Xây dựng công nghiệp Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Cơ khí Hồng Nam
Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/06/2017	17.000 CP chiếm 0,031% VDL
Trong đó: - Đại diện sở hữu:	Không có
- Cá nhân sở hữu:	17.000 CP chiếm 0,031% VDL
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

2.3. Ông Đặng Quang Cường - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Đặng Quang Cường
Số CMTND	012275094
Ngày cấp, nơi cấp	Ngày cấp: 12/4/2007 Nơi cấp: Hà Nội
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	28/4/1965
Nơi sinh	Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Lạc Sơn - Đô Lương - Nghệ An
Địa chỉ thường trú	Ô Chợ Dừa - Đống Đa - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	3.823.234
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	1988 – 1995: Kế toán Công ty Nạo vét Đường Biển 2
	1995 – 1997: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Nạo vét Đường Biển 2
	1997 – 4/2007: Kế toán trưởng, Phó chủ tịch Công đoàn, Chủ nhiệm ủy ban Kiểm tra Đảng ủy - Công ty Thi công cơ giới
	8/2007 – 7/2009: Kiểm toán viên Kiểm toán nhà nước
	8/2009 – 9/2010: Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH Hiệp Tiến
	11/2010 – 7/2011: Trưởng phòng TCKT Ban chuẩn bị sản xuất DA NM Xi măng Thái Nguyên (Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam)
	7/2011 – 6/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn

	6/2016 – đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổng công ty	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn
Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/06/2017	Không có
Trong đó: - Đại diện sở hữu:	Không có
- Cá nhân sở hữu:	Không có
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

3. Ban giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Hoàng Chí Cường	Tổng giám đốc
2	Ông Chu Tuấn Ngọc	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Tạ Đăng Tính	Phó Tổng giám đốc

3.1. Ông Hoàng Chí Cường – Tổng Giám đốc (Sơ yếu lý lịch được trình bày tại mục Hội đồng Quản trị)

3.2. Ông Chu Tuấn Ngọc - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Chu Tuấn Ngọc	
Số CMTND	001073013956	
Ngày cấp, nơi cấp	Ngày cấp: 22/5/2017	Nơi cấp: Hà Nội
Giới tính	Nam	
Ngày tháng năm sinh	17/4/1973	
Nơi sinh	Hà Nội	
Quốc tịch	Việt Nam	
Dân tộc	Kinh	
Quê quán	Thị xã Phù Lý, Hà Nam	
Địa chỉ thường trú	Số 3B, Đặng Thái Thân - Hà Nội - Việt Nam	
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(024) 35.143.154	
Trình độ văn hoá	12/12	
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	
Quá trình công tác:	12/2001 – 3/2003: Phó giám đốc Chi nhánh Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam	
	3/2003 – 5/2008: Giám đốc Chi nhánh Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam	
	5/2008 – 11/2010: Trưởng ban Kế hoạch, Đầu tư và quản lý hợp đồng Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam	

	10/2010 – 11/2015: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam 11/2015 – đến nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh xây lắp và cung ứng vật tư thiết bị Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam, Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổng công ty	Phó Tổng giám đốc
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	Giám đốc Chi nhánh Xây lắp và cung ứng vật tư thiết bị Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2
Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/06/2017	51.400 CP chiếm 0,093 % VDL
Trong đó: - Đại diện sở hữu:	Không có
- Cá nhân sở hữu:	51.400 CP chiếm 0,093 % VDL
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

3.3. Ông Nguyễn Hữu Sơn – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Hữu Sơn
Số CMTND	011777108
Ngày cấp, nơi cấp	Ngày cấp: 22/6/2007 Nơi cấp: Hà Nội
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	21/7/1958
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Đông Anh, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(024) 38.832.043
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế
Quá trình công tác:	1983 – đến nay: Công tác tại Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4 2011 – đến nay: Phó tổng giám đốc Tổng Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổng công ty	Phó tổng giám đốc
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4
Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/06/2017	438.100 CP chiếm 0,796 % VDL
Trong đó: - Đại diện sở hữu:	Không có
- Cá nhân sở hữu:	438.100 CP chiếm 0,796 % VDL
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

3.4. Ông Tạ Đăng Tính – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Tạ Đăng Tính
Số CMTND	012300681
Ngày cấp, nơi cấp	Ngày cấp: 28/03/2013 Nơi cấp: Hà Nội
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	07/12/1974
Nơi sinh	Bắc Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	Số 5, Ngõ 282, Đường Nguyễn Huy Tưởng - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(024) 35.142.418
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Xây dựng Công nghiệp và dân dụng
Quá trình công tác:	4/2013 – 10/2013: Giám đốc Chi nhánh tư vấn thiết kế và Xây dựng Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam
	10/2013 – 11/2015: Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tư vấn thiết kế và Xây dựng Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam
	10/2014 – đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng VINAINCON, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Thi công cơ giới Vinaincon
	9/2015 – đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Bê tông ly tâm Vinaincon
	11/2015 – đến nay: Phó tổng giám đốc Tổng công ty Cổ Phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổng công ty	Phó tổng giám đốc
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng VINAINCON Chủ tịch HĐQT Cty CP Thi công cơ giới Vinaincon Chủ tịch HĐQT Cty CP Bê tông ly tâm Vinaincon
Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/06/2017	64.400 CP chiếm 0,117 % VDL
Trong đó: - Đại diện sở hữu:	Không có
- Cá nhân sở hữu:	64.400 CP chiếm 0,117 % VDL
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

4. Kế toán trưởng**4.1. Ông Hoàng Thế Hiển – Kế toán trưởng**

Họ và tên	Hoàng Thế Hiển
Số CMTND	036064000008
Ngày cấp, nơi cấp	Ngày cấp: 16/01/2013 Nơi cấp: Hà Nội

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/03/1964
Nơi sinh	Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Giao An - Giao Thủy - Nam Định
Địa chỉ thường trú	Số 7, ngách 43/98, Cổ Nhuế - Cổ Nhuế - Bắc Từ Liêm - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(024) 35.142.417
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác:	<p>12/1988 - 5/1992: Chuyên viên, Trưởng phòng tài chính kế toán Xí nghiệp Vật liệu Xây dựng thuộc Công ty Xây lắp Hóa chất</p> <p>6/1992 - 5/1994: Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Xí nghiệp Vật tư Vận tải thuộc Công ty Xây lắp hóa chất.</p> <p>6/1994 - 4/1999: Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Xí nghiệp Xây lắp H76 thuộc Công ty Xây lắp hóa chất.</p> <p>5/1999 - 4/2002: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.</p> <p>5/2002 - 5/2005: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban Quản lý Dự án Nhà máy Xi măng Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt nam</p> <p>6/2005 - 12/2006: Trưởng Ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt nam.</p> <p>01/2007 – 5/2011: Kế toán trưởng Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.</p> <p>6/2011 – đến nay: Kế toán trưởng Tổng công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.</p>
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổng công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/06/2017	52.100 CP chiếm 0,094 % VĐL
Trong đó: - Đại diện sở hữu:	Không có
- Cá nhân sở hữu:	52.100 CP chiếm 0,094 % VĐL
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không có

5. Kế hoạch tăng cường quản trị

Tổng công ty đã từng bước xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định quản trị nội bộ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Tăng cường giám sát cán bộ quản lý; đánh giá đúng năng lực, trình độ, ý thức, trách nhiệm, thái độ ứng xử của cán bộ quản lý để có biện pháp xử lý phù hợp.

Xây dựng chiến lược đầu tư, phát triển phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo đạt được các mục tiêu chủ yếu của phương án sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, nhất là chỉ tiêu về doanh số, lợi nhuận, tỷ lệ cổ tức.

Tập trung chỉ đạo Ban Điều hành tăng cường công tác quản lý tiền hàng, tài sản của Tổng công ty; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

Xem xét, sắp xếp lại tổ chức bộ máy phù hợp với tình hình thực tế.

Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Chú trọng xây dựng kế hoạch, chương trình bảo vệ môi trường, đào tạo ý thức bảo vệ môi trường đối với toàn thể người lao động trong Tổng công ty.

Tổng công ty cam kết sẽ điều chỉnh lại thành viên Ban kiểm soát theo quy định Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng tại kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.

Nội bộ Tổng công ty đoàn kết, các đoàn thể hoạt động tốt vì mục tiêu chung là phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh.

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2017

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ – TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC 



HOÀNG CHÍ CƯỜNG

**TỔ CHỨC TƯ VẤN – CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
GIÁM ĐỐC TƯ VẤN**



NGUYỄN THỊ HẠNH